TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ TRÍ VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **281**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 6 năm 2021
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Trung Trực.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Văn Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hoàng Y**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh T.

(Vắng mặt chị Y, anh T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Hoàng Y trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh T chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T vào ngày 26/02/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T chỉ lo cờ bạc, không lo làm ăn và không lo phụ giúp gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 8 năm

2020 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Trần Xuân N, sinh ngày 26/10/2011. Chị Y yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hoàng Y; giao cháu Nguyễn Trần Xuân N, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Y nuôi dưỡng để đảm bảo ổn định cuộc sống và tâm lý của cháu, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Y không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Y khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Ngày 10/5/2021, nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng Y có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoàng Y và anh Nguyễn Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Y và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh T đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do và không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Chị Y vẫn cương quyết ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Nguyễn Trần Xuân N, sinh ngày 26/10/2011. Chị Y yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, cháu N đang sống và có nguyện vọng được sống với chị Y, vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý của các cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con cho chị Y nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hoàng Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hoàng Y được ly hôn với anh Nguyễn Minh T;

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Xuân N, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Trần Thị Hoàng Y nuôi dưỡng, anh Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Hoàng Y phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Chị Y đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004727 ngày 10/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Y có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Chợ Gạo;
- Chi cục THADS h. Chợ Gạo;
- UBND xã L, h. C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni